

DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở TỈNH NGHỆ AN HIỆN NAY: NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VÀ KHUYẾN NGHỊ

Võ Đức Việt*; Võ Văn Quang**

Bài viết đề cập đến những khó khăn, thách thức trong phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An dưới tác động của khủng hoảng kinh tế những năm 2008-2012 liên quan đến tình trạng sụt giảm số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập, tình trạng doanh nghiệp ngừng sản xuất, giải thể, phá sản, sản xuất cầm chừng; tình trạng sụt giảm quy mô sản xuất kinh doanh; đồng thời chỉ ra nguyên nhân của những khó khăn, thách thức và biện pháp khắc phục nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và nâng cao năng lực nội sinh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An những năm tới.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, sụt giảm quy mô sản xuất, môi trường kinh doanh; năng lực nội sinh của doanh nghiệp

1. Đặt vấn đề

Trong những năm Đổi mới vừa qua, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (N&V) trên phạm vi cả nước nói chung, trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói riêng ngày càng phát triển, đóng góp ngày càng tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung cũng như của từng tỉnh trong đó có tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kể từ năm 2008, nhất là từ năm 2012 đến nay sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang gặp nhiều khó khăn, thách thức. Bài viết này phân tích những khó khăn, thách thức trong phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện

nay, chỉ ra nguyên nhân của những khó khăn, thách thức và biện pháp khắc phục nhằm tạo điều kiện để phát triển trong những năm tới.

2. Những khó khăn, thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nghệ An hiện nay

Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, nhất là từ năm 2012 đến nay, doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nghệ An đang đứng trước nhiều khó khăn và thách thức. Có thể nêu lên một số khó khăn, thách thức chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới bị chững lại. Nếu năm 2011 số doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký thành lập mới là 1.290 doanh nghiệp, thì năm 2012 là 996 doanh nghiệp, giảm 22,14% so

Biểu 1: Số lượng các doanh nghiệp thành lập theo loại hình

Chỉ Tiêu	Giai đoạn 2006-2010	2011	2012	Ước 6 tháng năm 2013	Lũy kế đến 6 tháng 2013
Số DN thành lập	5.268	1.290	996	400	10.700
Công ty cổ phần	2.032	445	335	123	3.486
Công ty TNHH từ 2TV trở lên	1.443	226	223	100	2.514
Công ty TNHH 1 TV	659	338	317	128	1.837
Doanh nghiệp tư nhân	1.134	281	121	49	2.863

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An (2012), UBND tỉnh Nghệ An (2013)

với năm 2011. 6 tháng 2013 số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới ước đạt 400 doanh nghiệp. Lũy kế đến 20/5/2013 toàn tỉnh có 10.700 doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập.

Thứ hai, nhiều doanh nghiệp ngừng sản xuất, giải thể, phá sản hoặc sản xuất cầm chừng. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 1.119 doanh nghiệp; số doanh nghiệp giải thể đóng mã số thuế là 855 doanh nghiệp, số doanh nghiệp có tờ khai bằng 0 là 771 doanh nghiệp. Đến nay, toàn tỉnh có 6.497 doanh nghiệp đang hoạt động có kê khai nộp thuế chiếm 62,61% tổng số thành lập, đóng góp 42,85% vào GTSX toàn tỉnh.

Thứ ba, kết quả sản xuất kinh doanh giảm sút. Ngoại trừ một số doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến nông lâm, thủy hải sản, điện năng, thương mại và xuất khẩu, hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong những năm vừa qua. Ví dụ, so với năm 2011 các doanh nghiệp sản xuất Sữa tăng 26,41%; đường kính tăng 21,43%; bia tăng 21,13%, điện tăng 9,25%, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2012 tăng 16,32%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 11,3%... Còn lại, hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác đều bị giảm sút. Chẳng hạn, hoạt động SXKD các doanh nghiệp vật liệu xây dựng giảm mạnh so với năm 2011: Xi măng giảm 1,56%; gạch quy chuẩn giảm 6,94%... Thị trường bất động sản nhìn chung vẫn đóng băng.

3. Nguyên nhân khó khăn, thách thức của doanh nghiệp

Mặc dù các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An vẫn có những đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội như năm 2012 đóng góp cho ngân sách tỉnh là 3.819 tỷ đồng, trong đó: nộp thuế nội địa 3.256 tỷ đồng, nộp thuế xuất khẩu 563 tỷ đồng; đã góp phần giải quyết việc làm cho 182 ngàn lao động, chiếm tỷ trọng 11% lao động toàn xã hội; nhưng những khó khăn trong SXKD đã hạn chế khả năng đóng góp của doanh nghiệp so với tiềm năng của nó và đang đặt ra những thách thức cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực tiễn cho thấy, đến năm 2013, nhiều doanh nghiệp vẫn còn phải thu hẹp sản xuất, mất khả năng thanh toán, giải thể, tạm ngừng hoạt động.

Tác động của khủng hoảng kinh tế kéo dài là nguyên nhân khách quan dẫn đến những khó khăn, thách thức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi cả nước nói chung, trên địa bàn tỉnh Nghệ An nói riêng. Song về phía chủ quan việc cải thiện

môi trường SXKD và nâng cao năng lực nội sinh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh là điều có ý nghĩa quyết định dẫn đến những khó khăn, thách thức trong hoạt động của doanh nghiệp. Có thể nêu lên những minh chứng cụ thể cho nhận định này:

Thứ nhất, về vốn: Sau nhiều nỗ lực triển khai các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp từ phía Chính phủ và Ngân hàng, đến nay các biện pháp hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đã phát huy hiệu quả tích cực, dư nợ ngành ngân hàng có sự tăng trưởng, mặt bằng lãi suất cho vay đã được hạ thấp, dư nợ cho vay đối với SXKD chiếm tỷ trọng cao nhất là với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tăng 25,5% (cả nước tăng 4,85%); cho vay phát triển SXKD chiếm 97,4% tổng dư nợ; dư nợ của các DN chiếm 53% tổng dư nợ. Lãi suất cho vay tối đa 15%. Hầu hết các doanh nghiệp chấp hành tốt việc vay trả nhưng vẫn còn 1 số doanh nghiệp chưa chấp hành tốt. Đến nay, nợ xấu trên toàn địa bàn là 2.432 tỷ đồng, chiếm 3,2% tổng dư nợ; trong đó, nợ xấu của các doanh nghiệp chiếm 51% tổng nợ xấu.

Thực tiễn cho thấy, khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Nghệ An là hoạt động phụ thuộc chủ yếu vào vốn vay. Trong khi đó, lãi suất ngân hàng tuy có hạ hơn nhưng vẫn cao, quy mô doanh nghiệp nhỏ thiếu các điều kiện đảm bảo, báo cáo tài chính thiếu minh bạch gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn. Một số doanh nghiệp chưa chấp hành tốt việc vay trả nợ, ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của các ngân hàng, nợ xấu có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên, ngay cả khi doanh nghiệp có hoặc tiếp cận được vốn thì cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc sử dụng vốn do thị trường bị thu hẹp, sản xuất kinh doanh bị đình trệ.

Thứ hai, về mặt bằng sản xuất kinh doanh. Chi phí thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng tăng cao do Chính phủ điều chỉnh giá đất, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Thủ tục hành chính trong giao dịch cấp đất, thuê đất nhiều vướng mắc, chậm trễ. Cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn bất cập, các tuyến đường quy hoạch quanh dự án chưa được đầu tư theo cam kết, nhiều vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp chưa được xử lý kịp thời trong đó khó khăn nhất là giải phóng mặt bằng.

Thứ ba, về thị trường. Khả năng tiếp cận thị trường hạn chế do tiêu dùng xã hội giảm, đặc biệt là ở các doanh nghiệp liên quan đến hoạt động xuất

nhập khẩu. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản vẫn đang đứng trước tình trạng thị trường bất động sản suy thoái, các sản phẩm bất động sản không tiêu thụ được, trong khi chi phí đầu vào, lãi suất, giá cả tăng cao, các công trình xây dựng cơ bản bị cắt giảm kinh phí, công trình đã hoàn thành nghiệm thu bị chậm thanh toán, nợ xây dựng cơ bản còn cao.

Thứ tư, về thủ tục hành chính và cơ chế chính sách còn nhiều bất cập. Thủ tục hành chính vẫn còn bất cập, phần nào gây cản trở cho doanh nghiệp. Sự phối hợp giữa các ngành trong việc xử lý các vấn đề cho doanh nghiệp, nhà đầu tư còn hạn chế, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là trong các giao dịch cấp đất, thuê đất, giải phóng mặt bằng.

Chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; tài khoá thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm chi ngân sách,... nhằm tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội, nhưng cũng kéo theo hệ lụy ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp trên địa bàn của tỉnh, chủ yếu dựa vào đầu tư công và nguồn vốn vay, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn ngành xây dựng, doanh nghiệp thương mại...

Thứ năm, về quy mô, cơ cấu ngành nghề, thiết bị và năng lực quản trị doanh nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật còn hạn chế. Cùng với những khó khăn do môi trường kinh doanh tạo nên, bản thân năng lực nội sinh của doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An hầu hết có quy mô nhỏ bé, vốn ít, công nghệ lạc hậu, lại chậm đầu tư đổi mới nên khả năng cạnh tranh kém. Cơ cấu ngành nghề của các doanh nghiệp chưa hợp lý, số doanh nghiệp tập trung vào lĩnh vực xây dựng, hoạt động khoáng sản đang còn lớn; doanh nghiệp sản xuất, chế biến ít, nhất là doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp (chỉ chiếm 5,4%); doanh nghiệp sản xuất, chế biến thủy hải sản (chỉ chiếm 0,26%). Bên cạnh đó, không ít doanh nghiệp thành lập và hoạt động nhằm lợi dụng những sơ hở của cơ chế chính sách của nhà nước, làm ăn theo kiểu chộp giật, tổ chức bộ máy và kinh doanh theo kiểu gia đình.

Năng lực quản trị doanh nghiệp yếu, một bộ phận doanh nhân chưa năng động, thiếu nắm bắt thông tin dự báo; thiếu kiến thức pháp luật, kiến thức khởi sự doanh nghiệp. Việc tiếp nhận, cập nhật thông tin về các thị trường đầu vào (vốn, lao động, nguyên vật liệu, thiết bị, công nghệ) và đầu ra chưa kịp thời.

Chưa ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược kinh doanh dài hạn. Có không ít doanh nghiệp thiếu minh bạch tài chính, công tác tài chính kế toán còn mang tính đối phó với các cơ quan chức năng.

Nhiều doanh nghiệp vi phạm quy định pháp luật, chưa đảm bảo được quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động. Đời sống công nhân tại các nhà máy, khu công nghiệp trong tỉnh khó khăn, việc làm không ổn định. Tình trạng nợ lương, chậm lương, làm thêm giờ kéo dài,... chậm được khắc phục làm xảy ra tình trạng bãi công của công nhân. Nhiều doanh nghiệp vi phạm các quy định về môi trường, an toàn lao động, nhất là các doanh nghiệp ngành xây dựng, khai thác mỏ, trang trại chăn nuôi. Số doanh nghiệp thành lập tổ chức công đoàn chiếm tỷ lệ rất thấp. Chỉ có 36,09% số doanh nghiệp đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động. Nợ thuế, nợ đọng bảo hiểm xã hội kéo dài đang trở nên phổ biến.

Các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và khu kinh tế Đông Nam còn gặp khó khăn do thiếu điện, thiếu nước, không ổn định; chưa có khu gom rác thải, xử lý nước thải tập trung; chưa có nhà ở tập trung cho công nhân; chưa có phương tiện giao thông công cộng cho nhu cầu đi lại của người lao động.

4. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, những năm tới, tỉnh cần tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP về thực hiện một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho SXKD, hỗ trợ thị trường cho doanh nghiệp. Theo đó, cần tập trung hoàn thiện môi trường pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp. Ban hành và thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tập trung vào cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ công chức quản lý doanh nghiệp, cho doanh nhân. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ tìm kiếm thị trường và tiêu thụ sản phẩm: Tổ chức cho doanh nghiệp khảo sát thị trường nước ngoài, đầu tư quảng bá tiềm năng, thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp trên các phương tiện truyền thông; tổ chức các cuộc gặp gỡ giao lưu với các doanh nghiệp, đoàn thương mại nước ngoài; có cơ

chế ưu tiên sử dụng sản phẩm của địa phương trong các dự án công.

Thứ ba, tích cực thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn như tạo điều kiện cho doanh nghiệp đảo nợ do hàng tồn kho lớn chưa tiêu thụ được; đẩy nhanh việc thanh quyết toán công trình xây dựng đầu tư công đã hoàn thành... Chủ động gặp gỡ, trao đổi và lắng nghe các phản hồi, phản ánh từ doanh nghiệp, đa dạng hóa các hình thức đối thoại (*qua trang web, hộp thư điện tử, hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh*) để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp và hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh. coi việc đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin hai chiều, kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho doanh nghiệp là việc làm thường xuyên của các cấp các ngành.

Thứ tư, về phía các doanh nghiệp cần đánh giá lại chiến lược kinh doanh gắn với sự di chuyển dòng tiền, vốn tín dụng, mặt bằng lãi suất để có chiến lược kinh doanh dài hạn, ngắn hạn hợp lý; điều chỉnh cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường, ưu tiên những mặt hàng có khả năng xoay vòng vốn nhanh nhất. Mỗi doanh nghiệp phải chủ động tái cơ cấu chính mình phù hợp với sự thay đổi của thị trường.

Tài liệu tham khảo:

Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An (2012). *Báo cáo tình hình doanh nghiệp Nghệ An năm 2012*.

UBND tỉnh Nghệ An (2013). *Báo cáo tình hình hoạt động doanh nghiệp và trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*. Số 298 /BC-SKHĐT ngày 04 tháng 06 năm 2013.

Small and medium enterprises (SMEs) in Nghe An province: Difficulties, challenges and recommendations

Abstract

This article analyzes the difficulties and challenges in developing SMEs in Nghe An province in the context of global crisis in the period of 2008-2012 and the relation between this context with the number of SMEs founded, suspended, dissolved, bankrupted and the decline of the enterprises' scale. Based on this, the authors point out the reasons that lead to these difficulties and challenges, and then provide some recommendations.

Thông tin tác giả:

* **Võ Đức Việt**, Thạc sĩ

- Nơi công tác: Hội sở Ngân hàng TMCP Bắc Á, Nghệ An.

Email: hoavietna@yahoo.com.vn

** **Võ Văn Quang**, Tiến sĩ

- Nơi công tác: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á

Chủ động tìm kiếm liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính khác để nâng cao năng lực tài chính. Đa dạng hóa huy động nguồn vốn đầu tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi tiêu, sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả, tiết giảm nhân lực kết hợp tăng năng suất lao động.

Mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, kiểu dáng mẫu mã đủ sức cạnh tranh trên thị trường; xây dựng phương án bán hàng hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng và thúc đẩy phát triển thị trường, tăng khả năng thanh khoản cho các giao dịch.

Coi trọng việc đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật, quản lý, quản trị doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh cho cán bộ công nhân viên bằng cách khuyến khích việc tự học thêm, tham gia tích cực các lớp tập huấn do các cấp ngành tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, tích cực cập nhật thông tin, dự báo tình hình nắm bắt kịp thời diễn biến nhu cầu thị trường.

Khởi sự kinh doanh cần nghiên cứu kỹ các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và các địa phương, quy hoạch ngành, lựa chọn địa điểm, đối tác, lĩnh vực hoạt động... gắn với hiệu quả kinh tế. □